SỞ Y TẾ BẾN TRE
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MỎ CÀY BẮC

Số : 80 / QĐ-TTYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Mỏ Cày Bắc, ngày 23 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt bản yêu cầu báo giá
Gói thầu: "Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác khám chữa bệnh".

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ

Căn cứ vào Quyết định số 296/QĐ-SYT ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Sở Y tế Bến Tre về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trung tâm Y tế huyện Mỏ Cày Bắc trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ nội dung cuộc họp Hội đồng khoa học ngày 22 tháng 04 năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Mỏ Cày Bắc;

Xét đề nghị của Chủ tich Hội đồng khoa học;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản yêu cầu báo giá Gói thầu: "Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác khám chữa bệnh" *(đính kèm)*.

Điều 2. Hội đồng khoa học, các khoa phòng chức năng và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, KD

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MỎ CÀY BẮC

Hồ Văn Thái

SỞ Y TẾ BẾN TRE
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MỎ CÀY BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ
Gói thầu: "Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác khám chữa bệnh".

(Đính kèm Quyết định số 80 /QĐ-TTYT ngày 23 tháng 04 năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Mỏ Cày Bắc)

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế huyện Mỏ Cày Bắc có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: "Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác khám chữa bệnh" của Trung tâm y tế huyện Mỏ Cày Bắc với nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế huyện Mỏ Cày Bắc

Địa chỉ: Khu phố Phước Hậu, thị trấn Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Ds Nguyễn Hạnh Cẩm Thi - Trưởng khoa Dược-TTB-VTYT.
Số điện thoại: 0975 155 340. Email: thiduocmcb@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận tại địa chỉ: Khoa Dược - Trung tâm y tế huyện Mỏ Cày Bắc, Khu phố Phước Hậu, thị trấn Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đồng thời, đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam scan báo giá qua địa email: thiduocmcb@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 9h00 phút ngày 24 tháng 4 năm 2024 đến trước 16h30 phút ngày 07 tháng 05 năm 2024.

Lưu ý: Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 07 tháng 05 năm 2024.

II. NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ:

1. Danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm (có danh mục, số lượng chi tiết kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp: tại kho của khoa Dược-TTB-VTYT;

Các yêu cầu về vận chuyển, bảo quản hóa chất, vật tư xét nghệm: Theo quy định hiện hành của Bộ Y tế.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Giao hàng trong vòng tối đa 03 ngày kể từ khi khoa Dược đặt hàng.

4. Các thông tin khác:

- Thông tin tại phụ lục đính kèm là yêu cầu tối thiểu của hàng hóa, các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam có thể chào hàng hóa có tác dụng, hiệu quả tương đương hoặc tốt hơn.

- Nhà cung cấp báo giá theo Mẫu báo giá kèm theo công văn này./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Hệ thống mạng đấu thầu QG;
- Cổng thông tin TTYT huyện Mỏ Cày Bắc;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MỎ CÀY BẮC

Hồ Văn Thái

Mẫu báo giá

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Mỏ Cày Bắc;

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế huyện Mỏ Cày Bắc

Chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hóa chất, vật tư xét nghiệm như sau

1. Báo giá cho các hóa chất, vật tư xét nghiệm:

Stt	Tên hang hóa	Tên thương mai	Đvt	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền
1									
2									
.....									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh và các tài liệu liên quan sản phẩm công ty chào)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày 07 tháng 05 năm 2024 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc

các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hóa chất, vật tư xét nghiệm nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

……, ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

DANH MỤC SỐ LƯỢNG , TÍNH NĂNG KỸ THUẬT HÓA CHẤT
VẬT TƯ XÉT NGHIỆM PHỤC VỤ KHÁM CHỮA BỆNH
(Kèm theo bản yêu cầu báo giá ngày 23/ 04 /2024 của TTYT huyện Mỏ Cày Bắc)

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐVT	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG DỰ KIẾN
1	Test nước tiểu 11 thông số sử dụng tương thích cho máy cho máy URSA 500	test		100
2	que thử đường huyết	test		100
3	Bơm tiêm 10 ml kim 23G	cây		500
4	Bơm tiêm 1ml	cây		4,000
5	Bơm tiêm 3ml	cây		500
6	Bơm tiêm 5ml kim 23G	cây		3,000
7	Dây garo	sợi		3
8	Kim luồn tĩnh mạch	cây		100
9	Kim trích lấy máu	cây		100
10	Lam kính nhám	cái		300
11	Lọ nước tiểu	lọ		100
12	Ống nghiệm HEPARINE	ống		100
13	Ống nghiệm có nắp	ống		1,000
14	Ống nghiệm không nắp	ống		500
15	Que tăm bông lấy mẫu ((sản)	que		700
16	Tube EDTA	ống		200
17	Viên nén khử khuẩn bề mặt, khử khuẩn dụng cụ và thiết bị y tế	hộp		10
18	Băng keo cuộn lụa 2,5cm x 5m	**cuộn**		**200**
19	Chỉ không tiêu các số	tép	4/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C	200

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐVT	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG DỰ KIẾN
20	Xét nghiệm định tính kháng nguyên NS1 của viruss Dengue	Test	Phát hiện kháng nguyên NS1 Dengue . trên máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương của người - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016,	100
Hoá chất sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm sinh hoá KENZA 240				
1	Glucose	Bộ	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. Phương pháp: "GOD-POD": Đo quang enzymatic. Dải đo: 2.34 – 450 mg/dl. Thành phần: R1: Phosphate buffer 250 mmol/l, Glucose oxidase > 25 U/ml, Peroxidase > 2 U/ml, Phenol 5 mmol/l, 4-aminoantipyrine 0.5 mmol/l.	1
2	Cholesterol toàn phần	Bộ	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp: "CHOD-POP": Đo quang enzymatic. Dải đo: 4.2 - 695 mg/dl Thành phần: R1: Good's Buffer 50 mmol/l, Phenol 5 mmol/l, 4-aminoantipyrine 0.3 mmol/l, Cholesterol esterase ≥ 200 U/l, Cholesterol oxidase ≥ 50 U/l, Peroxidase ≥ 3 kU/l.	1
3	Triglycerid	Bộ	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp: So màu enzymatic sử dụng GPO, PAP, thuốc thử đơn. Dải đo: 9.74 – 1062 mg/dl. Thành phần: R1: Good's buffer (pH 7.2) 50 mmol/l, 4-Chlorophenol 4 mmol/l, Mg 2+ 15 mmol/l, ATP 2 mmol/l, Glycerolkinase ≥ 0.4 KU/l, Peroxidase ≥ 2.0 KU/l, Lipoproteinlipase ≥ 2.0 KU/l, Glycerol-3-phosphate-Oxidase ≥ 0.5 KU/l, 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/l.	1
4	HDL-Cholesterol	Bộ	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp: Đo quang enzymatic trực tiếp với PVS, PEGME. Dải đo: 1.90 – 193 mg/dl. Thành phần: R1: MES buffer (pH 6.5) 6.5 mmol/l, TODB N, N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline) 3 mmol/l, Polyvinyl sulfonic acid 50 mg/l, Polyethylene-glycol-methyl ester 30 ml/l, MgCl2 2 mmol/l; R2: MES buffer (pH 6.5) 50 mmol/l, Cholesterol esterase 5 kU/l, Cholesterol oxidase 20 kU/l, Peroxidase 5 kU/l, 4-aminoantipyrine 0.9 g/l, Detergent 0.5 %.	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐVT	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG DỰ KIẾN
5	LDL-Cholesterol	Bộ	Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL Cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người.	1
6	AST (GOT)	Bộ	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT (Aspartate Aminotransferase) trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp: Đo hoạt độ enzym theo IFCC không có pyridoxal phosphat. Dải đo: 3.84 – 390 U/L. Thành phần: R1: Tris buffer (pH 7.8) 110 mmol/l, L-aspartic acid 340 mmol/l, LDH ≥ 4000 U/l, MDH ≥ 750 U/l; R2: CAPSO 20 mmol/l, 2-oxoglutarate 85 mmol/l, NADH 1.05 mmol/l.	1
7	ALT (GPT)	Bộ	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT (Alanine Aminotransferase) trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp: Đo hoạt độ enzym theo IFCC không có pyridoxal phosphat. Dải đo: 4.4 – 360 U/l. Thành phần: R1: Tris buffer (pH 7.5) 137.5 mmol/l, L-Alanine 709 mmol/l, LDH (microbial) ≥ 2000 U/l; R2: CAPSO 20 mmol/l, 2-oxoglutarate 85 mmol/l, NADH 1.05 mmol/l.	1
8	GGT	Bộ	Hóa chất xét nghiệm định lượng GGT trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp: Đo hoạt độ enzym GGT theo Szasz / Persijn. Dải đo: 1.68 - 500 U/l. Thành phần: R1: Tris buffer (pH 8.25) 125 mmol/l, Glycyl Glycine 125 mmol/l; R2: L-γ-Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 20 mmol/l.	1
9	Urea (BUND)	Bộ	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. Phương pháp: Đo động học sử dụng GLDH. Dải đo: 11.5 - 300 mg/dI. Thành phần: R1: Tris Buffer 100 mmol/l, α-Ketoglutarate 5.49 mmol/l, Urease (Jack Bean) ≥ 10 KU/l, GLDH (Microorganism) ≥ 3.8 KU/l; R2: NADH 1.66 mmol/l, Also contains non-reactive fillers and stabilisers.	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐVT	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG DỰ KIẾN
10	Creatinin	Bộ	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. Phương pháp: Đo động học không khử protein theo phương pháp Jaffé. Dải đo: 0.08 – 18 mg/dl. Thành phần: R1: Sodium Hydroxide 240 mmol/l; R2: Picric Acid 26 mmol/l.	1
11	Acid uric	Bộ	Hóa chất xét nghiệm định lượng Uric Acid trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. Phương pháp: So màu enzymatic. Dải đo: 0.49 – 25 mg/dl. Thành phần: R1: Pipes Buffer (pH 7.0) 50 mmol/l, DHBS 0.50 mmol/l, Uricase ≥ 0.32 kU/l, Peroxidase ≥ 1.0 kU/l, 4-Aminoantipyrine 0.31 mmol/l	1
12	Nội kiểm sinh hoá mức trung bình	Bộ	Huyết thanh chứng nội đùng để theo dõi độ đúng và độ chính xác của các xét nghiệm sinh hóa mức bình thường.	1
13	Nội kiểm sinh hoá mức cao	Bộ	Huyết thanh chứng nội đùng để theo dõi độ đúng và độ chính xác của các xét nghiệm sinh hóa mức bệnh lý.	1
14	Chất chuẩn sinh hoá nhiều thông số mức 2	Bộ	Hóa chất hiệu chuẩn đông khô dựa trên huyết thanh người.	1
15	Chất chuẩn sinh hoá nhiều thông số mức 2	Bộ	Hóa chất kiểm chuẩn HDL, LDL, CK-MB mức 2	1
Hoá chất sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm huyết học Celldiff 560				
1	Dung dịch pha loãng	ML		20,000
2	Dung dịch phá vỡ hồng cầu	ML		500
3	Dung dịch phân tích 5 thành phần bạch cầu	ML		1,000
4	Dung dịch nhuộm huỳnh quang	ML		42
5	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	ML		100
6	Chất chuẩn máy 3 mức	ML		14